

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2022/DS-ST
Ngày: 07-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Ngọc Đình

2. Ông Đỗ Hữu Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thu, kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 134/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2022 về “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Đ, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số 289/2, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số 1/6A, khu phố H, thị trấn T, huyện C, tỉnh L (Theo văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 02 năm 2022), có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số 212/4, ấp 4, xã V, huyện C, tỉnh L (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số 212/4, ấp 4, xã V, huyện C, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20-6-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Kim H là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2021 ông Nguyễn Văn Nh đến cửa hàng bán phân bón, thuốc trừ sâu U do bà Trương Thị Đ đứng tên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để mua phân bón, thuốc trừ sâu trồng thanh long. Khi mua bán phân bón hai bên thỏa thuận miệng sau mỗi đợt bán trái thanh long 03 tháng ông Nh sẽ trả tiền nợ mua phân bón, thuốc trừ sâu cho bà Đ.

Quá trình mua bán phân bón, thuốc trừ sâu từ ngày 16/4/2021 đến ngày 23/7/2021, ông Nh còn nợ bà Đ số tiền 74.422.000 đồng. Đến ngày 10/12/2021, ông Nh có trả cho bà Đ số tiền 15.000.000 đồng.

Nay, bà Trương Thị Đ yêu cầu Tòa án buộc ông Nh và bà Ph phải liên đới trả cho bà số tiền nợ mua phân bón, thuốc trừ sâu trồng thanh long là 59.422.000 đồng, yêu cầu trả một lần, không yêu cầu tính lãi suất.

Ông Nguyễn Văn Nh là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng ông Nh vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Bà Phạm Thị Ph là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng bà Ph vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về thủ tục tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên toà, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nh và bà Ph phải liên đới thanh toán cho nguyên đơn số tiền vốn mua bán còn nợ là 59.422.000 đồng theo quy định tại Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015, bị đơn chậm thanh toán thì phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Trương Thị Đ có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với ông Nguyễn Văn Nh và bà Phạm Thị Ph, việc tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nh và bà Ph cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Nguyễn Văn Nh và bà Phạm Thị Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn

cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nh, bà Ph.

[2]. Về nội dung vụ án: Bà Trương Thị Đ yêu cầu ông Nguyễn Văn Nh và bà Phạm Thị Ph liên đới trả số tiền vốn mua bán còn nợ là 59.422.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, yêu cầu trả một lần khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy, nguyên đơn cung cấp được giấy ghi nhận việc mua bán giữa các bên có nội dung: “Hai Nám... 12/12/21...còn 59.422.000...” có chữ ký tên và chữ viết họ tên Nguyễn Văn Nh.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù Tòa án nhiều lần triệu tập ông Nh và bà Ph tham gia tố tụng để làm rõ nội dung vụ án nhưng ông Nh và bà Ph đều vắng mặt không đến Tòa án giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này thể hiện việc ông Nh và bà Ph đã từ bỏ quyền chứng minh cho mình. Như vậy, căn cứ vào giấy ghi nhận việc mua bán do bà Đ cung cấp có đủ cơ sở xác định: Ông Nh có thực hiện giao dịch mua bán phân bón, thuốc trừ sâu với bà Đ và còn nợ số tiền 59.422.000 đồng.

Xét thấy, việc ông Nh mua phân bón, thuốc trừ sâu trồng thanh long, loại cây nông nghiệp chủ yếu phát triển kinh tế gia đình của người dân tại địa phương là nhằm phát triển kinh tế, phục vụ nhu cầu sinh hoạt của gia đình, thời điểm ông Nh thực hiện giao dịch mua bán trong thời kỳ hôn nhân của ông Nh và bà Ph. Do đó, bà Đ yêu cầu ông Nh và bà Ph phải liên đới thanh toán số tiền nợ mua bán phân bón, thuốc trừ sâu còn nợ cho bà Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, buộc ông Nh và bà Ph phải liên đới trả cho bà Đ số tiền nợ vốn mua bán phân bón, thuốc trừ sâu là 59.422.000 đồng. Ông Nh, bà Ph còn phải chịu tiền lãi chậm thanh toán nợ gốc theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

[3]. Quan điểm giải quyết vụ án của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Đ được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn Nh và bà Phạm Thị Ph phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ($59.422.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.971.100 \text{ đồng}$). Bà Trương Thị Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 430 và 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản của bà Trương Thị Đ đối với ông Nguyễn Văn Nh và bà Phạm Thị Ph.

Buộc ông Nguyễn Văn Nh và bà Phạm Thị Ph có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trương Thị Đ số tiền vốn mua bán còn nợ là 59.422.000 (*Năm mươi chín triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn*) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Nh và bà Phạm Thị Ph phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 2.971.100 (*Hai triệu chín trăm bảy mươi một nghìn một trăm*) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh LA;
- Viện kiểm sát ND cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Ái Duyệt